

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 26 /2012/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tạm thời một số quy định về hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh tại Văn bản số 465/NHNN-HTI4 ngày 05/6/2012 và Văn bản số 290/NHNN-HTI4 ngày 18/5/2012; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 2001/SNN ngày 18/5/2012; sau khi thống nhất với các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 499/BC-STP ngày 08/6/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh và Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh; Đài PTTH tỉnh;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH.
- Gửi: VB giấy và điện tử.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự

Handwritten signature

QUY ĐỊNH TẠM THỜI

**Một số nội dung về hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức
tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu
Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 6 năm 2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng.

1. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (gọi chung là khách hàng) vay vốn tại các Tổ chức tín dụng để đầu tư vào phát triển sản xuất, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, môi trường tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đáp ứng các điều kiện quy định, ngoài các ưu đãi được hưởng theo quy định chung của Trung ương, còn được hưởng thêm ưu đãi hỗ trợ lãi suất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Quyết định này.

2. Các tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo quy định của pháp luật thực hiện hỗ trợ lãi suất, bao gồm: Các Ngân hàng thương mại, Chi nhánh Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (gọi chung là các tổ chức tín dụng)

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh.

1. Khi một đối tượng khách hàng vay vốn tại các tổ chức tín dụng thuộc phạm vi thụ hưởng của nhiều chính sách hỗ trợ của tỉnh đang còn hiệu lực, thì khách hàng chỉ được lựa chọn để hưởng một chính sách hỗ trợ.

2. Các khoản vay không được hỗ trợ lãi suất theo Quyết định này, bao gồm:

a. Các khoản vay không thuộc các đối tượng nêu trên.
b. Các khoản vay đảo nợ; sử dụng vốn sai mục đích, phạm vi được hỗ trợ lãi suất.

c. Các khoản vay thuộc diện nêu trên nhưng đã được hưởng các chính sách hỗ trợ khác như:

+ Các khoản vay đã hỗ trợ lãi suất nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch theo Quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các khoản vay đã được hỗ trợ lãi suất hoặc các dự án đã được hỗ trợ theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 09/8/2011, Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 30/5/2011; Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh.

+ Các khoản vay đã được hỗ trợ lãi suất từ nguồn ngân sách tỉnh theo Văn bản số 3685/UBND-TH ngày 27/10/2011; Văn bản số 1226/UBND-TH ngày 02/5/2012 của UBND tỉnh về bổ sung, sửa đổi một số nội dung Văn bản số 3685/UBND-TH ngày 27/10/2011, Văn bản số 4352/UBND-TH ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh.

+ Các khoản vay đã hỗ trợ lãi suất khi thực hiện chính sách bình ổn giá thị trường vào dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.

+ Các khoản vay ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đối tượng khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất.

1. Các khách hàng vay vốn sản xuất các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực tỉnh, đáp ứng các yêu cầu:

a. Sản xuất nông nghiệp theo hướng Viet GAP (được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận); sản xuất rau, củ, quả quy mô 0,5 ha trở lên; sản xuất lạc quy mô 0,5 ha trở lên; sản xuất lúa hàng hóa tập trung quy mô từ 5ha trở lên; sản xuất bưởi Phúc Trạch, cam chất lượng cao quy mô 0,5 ha trở lên; sản xuất chè quy mô 1 ha trở lên; trồng hoa quy mô 0,2 ha trở lên.

b. Chăn nuôi lợn:

+ Chăn nuôi cách xa khu dân cư theo đúng quy định: Doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất lợn giống ông, bà quy mô 30 con trở lên; bố, mẹ quy mô 50 con trở lên. Chăn nuôi lợn thịt quy mô 300 con/lứa trở lên.

+ Chăn nuôi tại hộ gia đình: Quy mô 20 - 30 con đảm bảo vệ sinh môi trường (có bể bioga, xử lý sinh học,...)

c. Nuôi hươu có quy mô 05 con hươu cái sinh sản trở lên.

d. Nuôi bò quy mô 10 con trở lên.

đ. Trồng rừng sản xuất quy mô từ 02 ha trở lên.

e. Trồng cao su quy mô từ 01 ha trở lên.

g. Nuôi trồng thủy sản: Nuôi trồng thủy sản thâm canh có quy mô từ 1 ha trở lên; nuôi trồng thủy sản bằng lồng (loại lồng 15m³ trở lên) quy mô 03 lồng trở lên; nuôi trồng thủy sản trong bể xi măng, ao lót bạt có diện tích 200m² trở lên.

h. Đối với doanh nghiệp, các hợp tác xã sử dụng 70% lao động địa phương tại địa bàn xã trở lên, hoạt động sản xuất kinh doanh có sử dụng nguyên liệu từ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, cung ứng dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã.

2. Các khách hàng hoạt động đầu tư vào sản xuất kinh doanh khác, bao gồm:

a. Cải hoán tàu khai thác có công suất dưới 30CV sang tàu có công suất 50CV trở trên; đóng mới tàu cá có công suất từ 90CV trở lên; mua tàu khai thác thủy sản từ ngoại tỉnh về phục vụ khai thác có công suất từ 90CV trở lên.

b. Đầu tư phát triển các loại nghề trên tàu cá có công suất từ 90CV/chiếc trở lên gồm: Nghề lưới vây, nghề lưới rê, nghề chụp mực, cá.

c. Mua trang thiết bị, vật tư ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất muối.

d. Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công suất từ 100 con gia súc hoặc 1.000 con gia cầm/ngày đêm trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Quy mô trên cũng được áp dụng cho nhiều hộ gia đình, cá nhân cùng hợp tác sản xuất kinh doanh để có được tổng quy mô này (là thành viên trong tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp)

3. Các khách hàng đầu tư vào các ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn:

a. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo chợ, trung tâm thương mại, hệ thống kho bãi dự trữ, tập kết hàng hóa cho bà con nông dân trên địa bàn xã.

b. Các tổ chức, thương nhân chuyên thu gom, dự trữ, bảo quản, tiêu thụ nông sản trên địa bàn có hợp đồng dài hạn (trên 5 năm) và có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

c. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào cụm, điểm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn xã.

d. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, bao gồm:

- Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

- Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa máy và phụ tùng máy nông nghiệp, nông cụ sản xuất nông nghiệp.

- Các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh tại các làng nghề truyền thống.

4. Các khách hàng vay vốn để đầu tư các thiết bị trực tiếp sản xuất và phục vụ sản xuất nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản theo Danh mục tại Thông tư số 62/2010/TT-BNNPTNT ngày 28/10/2010 của

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) mà các máy móc thiết bị đó không đáp ứng đủ các điều kiện: Có nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa, có giá trị sản xuất trong nước trên 60% như quy định tại Quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

a. Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân có địa chỉ cư trú hợp pháp và được Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã xác nhận là trực tiếp sản xuất, chế biến và phục vụ sản xuất, chế biến.

b. Các doanh nghiệp có ký và thực hiện hợp đồng tiêu thụ nông sản và dịch vụ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp với nông dân.

Điều 4. Loại cho vay và thời hạn cho vay được hỗ trợ lãi suất.

1. Loại cho vay được hỗ trợ lãi suất là các khoản cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2015.

2. Thời hạn cho vay được hỗ trợ lãi suất tối đa cho mỗi món vay theo thời hạn vay vốn (trong hạn) của khách hàng thể hiện trên hợp đồng tín dụng với các tổ chức tín dụng. Số tiền vay quá hạn trả nợ, được gia hạn nợ thì không được tính hỗ trợ lãi suất cho khoảng thời gian quá hạn, gia hạn nợ.

Điều 5. Mức hỗ trợ lãi suất.

1. Hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng tại Khoản 1, 2, 3, Điều 3: Bằng mức chênh lệch giữa lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng với mức lãi suất cho vay ưu đãi 0,65%/tháng (7,8%/năm) của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

2. Hỗ trợ 100% lãi suất vay các tổ chức tín dụng trong hai năm đầu, 50% lãi suất từ năm thứ ba trở đi cho các đối tượng tại Khoản 4, Điều 3.

3. Tổng mức hỗ trợ lãi suất tối đa cho một khách hàng vay vốn:

a. Tổng mức vay dưới 10 tỷ đồng: Số tiền hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 1 tỷ đồng (một tỷ đồng).

b. Tổng mức vay từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng: Số tiền hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 1,5 tỷ đồng (một tỷ rưỡi đồng).

c. Tổng mức vay từ 20 tỷ đồng trở lên: Số tiền hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 2 tỷ đồng (hai tỷ đồng).

Điều 6. Nguyên tắc, phương thức và quy trình hỗ trợ lãi suất.

1. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất: Các tổ chức tín dụng cho vay mới các nhu cầu vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để đầu tư trực tiếp vào sản xuất, chế biến theo cơ chế tín dụng thông thường, thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định này. Không được từ chối hỗ trợ lãi suất nếu khoản vay đủ điều kiện vay và thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất. Nghiêm cấm việc cho vay đảo nợ và sử dụng vốn sai mục đích.

2. Phương thức và quy trình hỗ trợ lãi suất:

a. Khi vay vốn lần đầu, khách hàng vay gửi Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất có xác nhận của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã cho tổ chức tín dụng cùng các hồ sơ vay vốn theo quy định về thủ tục vay vốn của tổ chức tín dụng cho vay.

b. Khi thu lãi tiền vay, các tổ chức tín dụng thu toàn bộ lãi vay từ khách hàng vay, lập Giấy xác nhận số tiền lãi phải hỗ trợ cho khách hàng bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất.

c. Định kỳ hàng tháng, tổ chức tín dụng lập danh sách chi tiết số lãi phải hỗ trợ của từng khách hàng theo từng xã, chuyển cho Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã.

d. Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã lập bộ chứng từ theo quy định của Kho bạc Nhà nước về quản lý ngân sách (kèm theo danh sách chi tiết do tổ chức tín dụng đã gửi) để nhận tiền hỗ trợ từ nguồn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

c. Chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được bản chính giấy xác nhận của tổ chức tín dụng do khách hàng mang đến và căn cứ danh sách chi tiết số lãi phải hỗ trợ cho khách hàng do tổ chức tín dụng gửi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã trực tiếp chi trả tiền hỗ trợ lãi suất cho các khách hàng được hỗ trợ.

d. Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã tổng hợp kết quả hỗ trợ lãi suất đã trả cho khách hàng, số lãi khách hàng phải hoàn trả lại (trường hợp khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích, đối tượng phải hoàn trả tiền lãi) báo cáo Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện.

1. Giành ít nhất 50% kinh phí từ nguồn hỗ trợ phát triển sản xuất hàng năm từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới được phân bổ cho các xã để hỗ trợ lãi suất cho khách hàng theo Quyết định này.

2. Các địa phương chỉ được sử dụng nguồn vốn được giao này để hỗ trợ lãi suất tiền vay; không được sử dụng vào các mục đích khác.

3. Khuyến khích các địa phương sử dụng nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng theo các mục tiêu trên. Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế vượt chỉ tiêu được thông báo thì được bổ sung chỉ tiêu hoặc bổ sung tăng vào kế hoạch năm sau. Các địa phương không sử dụng hết chỉ tiêu, kế hoạch đã giao cho việc hỗ trợ lãi, sẽ điều chỉnh giảm chỉ tiêu kế hoạch để bổ sung cho địa phương khác.

Điều 8. Trách nhiệm của các bên có liên quan.

1. Khách hàng vay có khoản vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất:

a. Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng (trong một hợp đồng vay vốn sản xuất kinh doanh tổng hợp thì chỉ hỗ trợ lãi suất cho các món vay thuộc đối tượng được hỗ trợ). Nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo đối tượng hỗ trợ lãi suất, thì không

được hỗ trợ lãi suất và phải hoàn trả cho Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã số tiền lãi đã hỗ trợ trước đó và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b. Thực hiện các quy định của tổ chức tín dụng về thủ tục vay vốn, điều kiện vay vốn, thủ tục hỗ trợ lãi suất và chế độ báo cáo theo quy định.

c. Hạch toán khoản chi trả lãi tiền vay theo đúng số tiền lãi phải trả cho tổ chức tín dụng sau khi được hỗ trợ lãi suất theo quy định của Pháp luật.

d. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền (khi có yêu cầu).

đ. Yêu cầu tổ chức tín dụng nơi cho vay và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định tại Quyết định này. Báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng về việc từ chối sai pháp luật của các tổ chức tín dụng, của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã trong việc thực hiện cho vay và hỗ trợ lãi suất.

2. Các tổ chức tín dụng nơi cho vay hỗ trợ lãi suất:

a. Các tổ chức tín dụng áp dụng cơ chế cho vay và lãi suất cho vay đối với các nhu cầu vay vốn thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất phù hợp với quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Quy chế cho vay theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Có quyền từ chối cho vay các nhu cầu vay vốn không đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định.

b. Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất để ghi trong hợp đồng tín dụng các nội dung về hỗ trợ lãi suất theo quy định. Hướng dẫn khách hàng vay, bảo đảm việc cho vay được thuận tiện, an toàn và đúng đối tượng. Từ chối các yêu cầu hỗ trợ lãi suất không đúng quy định. Nghiêm cấm việc cho vay đảo nợ. Không được từ chối hỗ trợ lãi suất nếu khoản vay đủ điều kiện và thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất.

c. Thực hiện việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay để bảo đảm việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật. Nếu phát hiện khách hàng sử dụng vốn sai mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất thì lập thủ tục thông báo cho Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã để xử lý dừng hỗ trợ hoặc thu hồi nếu đã hỗ trợ.

d. Khi thu lãi tiền vay của khách hàng, các tổ chức tín dụng lập Giấy xác nhận số lãi phải hỗ trợ có xác nhận của khách hàng và tổ chức tín dụng nơi cho vay (ký tên, đóng dấu) để cấp cho khách hàng vay và để làm chứng từ phục vụ việc kiểm tra, giám sát. Định kỳ hàng tháng, (chậm nhất vào ngày 05 tháng sau) lập Danh sách các khách hàng được hỗ trợ lãi suất theo từng xã gửi Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã.

đ. Tổ chức việc theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất để phục vụ cho việc báo cáo Ban Chỉ đạo thực hiện Chương

trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp, ngân hàng cấp trên và việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

e. Lưu hồ sơ các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu về cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định.

3. Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã:

a. Xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất của khách hàng vay về các nội dung: Về đối tượng được thụ hưởng hỗ trợ lãi suất, về quy mô sản xuất thực tế để được hỗ trợ lãi suất, về việc đầu tư các thiết bị nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch trực tiếp sản xuất hoặc phục vụ sản xuất, về tỷ lệ sử dụng lao động tại địa phương, về quy chuẩn cam chất lượng cao, về tiêu chuẩn công nghệ tiên tiến trong sản xuất muối ... Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã xác nhận.

b. Phối hợp với các tổ chức tín dụng trong việc kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng vốn vay của khách hàng khi có yêu cầu.

c. Trên cơ sở danh sách khách hàng được hỗ trợ lãi suất do tổ chức tín dụng nơi cho vay cung cấp lập bộ chứng từ nhận tiền từ Kho bạc Nhà nước; trực tiếp chi trả số tiền hỗ trợ lãi suất cho từng khách hàng được hỗ trợ. Chịu trách nhiệm về tính kịp thời và chính xác trong việc chi trả tiền hỗ trợ cho khách hàng theo đúng danh sách do tổ chức tín dụng cung cấp.

d. Tập hợp kết quả hỗ trợ lãi suất báo cáo Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới cấp huyện; thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới để hỗ trợ lãi suất theo quy định của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và các quy định tại Quyết định này.

đ. Căn cứ thông báo của tổ chức tín dụng về vi phạm trong sử dụng vốn vay của khách hàng để xử lý dừng chi trả hỗ trợ hoặc thu hồi số lãi đã hỗ trợ để hoàn trả lại vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. Trường hợp không thu hồi được thì báo cáo Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp xử lý hoặc phối hợp với tổ chức tín dụng để khởi kiện xử lý.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp:

a. Hướng dẫn các căn cứ để Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất theo các nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 8, làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng xem xét đối tượng hỗ trợ lãi suất.

b. Chủ trì tham mưu cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn để hỗ trợ lãi suất. Hướng dẫn việc phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh

quyết toán nguồn vốn để hỗ trợ lãi suất cho các địa phương. Hướng dẫn chế độ báo cáo việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất, kết quả hỗ trợ lãi suất để các địa phương thực hiện; tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

c. Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và việc hỗ trợ lãi suất (khi cần thiết).

5. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh:

a. Chỉ đạo và hướng dẫn các tổ chức tín dụng về quy trình, hồ sơ, thủ tục thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất, các Mẫu giấy tờ cần thiết và thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức tín dụng theo quy định.

b. Phối hợp với Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu.

c. Tổng hợp kết quả cho vay hỗ trợ lãi suất báo cáo định kỳ cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và UBND tỉnh.

d. Tổ chức phổ biến rộng rãi chủ trương hỗ trợ lãi suất đến tất cả các tổ chức tín dụng để thực hiện. Phối hợp với các cơ quan thông tin, tuyên truyền để cung cấp, phổ biến các cơ chế chính sách về tín dụng, lãi suất có liên quan đến việc thực hiện chủ trương này.

6. Sở Tài chính:

a. Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc hướng dẫn phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn để hỗ trợ lãi suất cho các địa phương.

b. Phối hợp với các ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp tổ chức kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và việc hỗ trợ lãi suất (khi cần thiết).

7. Kho bạc Nhà nước các cấp:

- Hướng dẫn các Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã về các thủ tục mở tài khoản, các hồ sơ chứng từ nhận tiền hỗ trợ từ Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách và quản lý nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện việc kiểm soát chi hỗ trợ lãi suất đối với các địa phương theo đúng mục đích quy định. Có quyền từ chối các khoản chi không đúng mục đích hỗ trợ lãi suất.

- Phối hợp với Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã và tổ chức tín dụng cho vay xử lý các khoản tiền thu hồi từ khách hàng nếu phát hiện sử dụng vốn sai mục đích.

8. Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp:

- Chỉ đạo Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã và Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới cùng cấp sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ lãi suất.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông thuộc phạm vi quản lý đẩy mạnh công tác truyền truyền chủ trương hỗ trợ lãi suất đến các cấp, các ngành và nhân dân; đưa các quy định về hỗ trợ lãi suất vào nội dung tập huấn, tuyên truyền để các cấp, các ngành và nhân dân hiểu rõ các chủ trương, cơ chế hỗ trợ của tỉnh cho việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện chủ trương hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu; phát hiện và đề xuất giải pháp xử lý, các bất hợp lý trong hỗ trợ lãi suất, tham mưu trình UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh và các sở, ngành hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra tình hình thực hiện quy định này. Định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh./.

Điều 10. Trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh, các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các cấp kịp thời phản ánh về Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh và Ngân hàng Nhà nước tỉnh để tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự